

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 53

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”), trước đây là Công ty Kho vận Miền Nam, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua bằng việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
	Thành viên	bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Lê Bá Thọ	Phó Chủ tịch	
Ông Trần Quyết Thắng	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2016
Ông Trần Văn Thịnh	Thành viên	
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên	
Bà Đoàn Thị Đông	Thành viên	từ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Oanh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Vũ Hoài An	Thành viên
Bà Trần Thị Thanh Bình	Thành viên

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Hoàng Phương	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2016
Ông Trần Mạnh Đức	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2016
Ông Trần Văn Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Bá Thọ	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Vũ Thành.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 8 năm 2016



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61113814-18590763/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 19 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 53, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Building a better
working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		757.998.641.119	535.614.669.117
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	229.536.929.724	418.025.035.540
111	1. Tiền		133.646.929.724	18.025.035.540
112	2. Các khoản tương đương tiền		95.890.000.000	400.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	163.173.207.380	1.470.579.700
121	1. Chứng khoán kinh doanh		2.590.272.558	2.590.272.558
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.103.935.178)	(1.119.692.858)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		161.686.870.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7	299.189.696.785	111.257.663.439
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		253.386.849.852	86.786.969.665
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		22.676.087.920	11.837.763.919
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		66.362.813.901	19.418.044.172
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(43.508.987.864)	(7.086.472.884)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		272.932.976	301.358.567
140	IV. Hàng tồn kho	8	54.911.284.587	3.850.341.588
141	1. Hàng tồn kho		55.694.712.437	4.132.598.591
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(783.427.850)	(282.257.003)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.187.522.643	1.011.048.850
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	6.564.731.723	591.122.954
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.621.674.099	419.925.896
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.116.821	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.335.314.706.625	136.396.724.921
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.205.094.085	3.559.580.000
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		2.751.300.000	3.362.700.000
216	2. Phải thu dài hạn khác		453.794.085	196.880.000
220	II. Tài sản cố định		409.072.785.601	56.719.743.288
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	384.394.250.914	55.432.193.288
222	Nguyên giá		1.004.266.248.943	132.967.865.523
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(619.871.998.029)	(77.535.672.235)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	24.678.534.687	1.287.550.000
228	Nguyên giá		27.207.249.346	2.465.843.779
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.528.714.659)	(1.178.293.779)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		637.947.341	3.600.778.947
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		637.947.341	3.600.778.947
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		763.841.430.329	69.174.809.527
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết	12.1	351.518.798.243	2.732.432.827
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.2	412.322.632.086	75.558.898.375
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	12.2	-	(9.116.521.675)
260	V. Tài sản dài hạn khác		158.557.449.269	3.341.813.159
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	16.052.529.359	2.904.596.959
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.2	2.369.371.150	437.216.200
269	3. Lợi thế thương mại	4.7	140.135.548.760	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.093.313.347.744	672.011.394.038

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.212.441.698.360	492.651.580.383
310	I. Nợ ngắn hạn		546.897.544.446	94.210.699.383
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	102.110.072.647	56.909.011.939
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	26.889.212.940	493.280.129
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	20.504.105.322	4.049.416.177
314	4. Phải trả người lao động		13.529.872.578	8.820.845.509
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		5.375.766.231	709.293.361
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		9.852.552.909	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	225.006.570.063	5.254.871.690
320	8. Vay ngắn hạn	16	135.027.666.277	17.973.980.578
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		1.110.000.444	-
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		7.491.725.035	-
330	II. Nợ dài hạn		665.544.153.914	398.440.881.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	7.142.429.000	254.800.000
338	2. Vay dài hạn	16	654.115.558.954	396.000.000.000
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	25.2	358.769.298	-
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		3.927.396.662	2.186.081.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		880.871.649.384	179.359.813.655
410	I. Vốn chủ sở hữu		880.871.649.384	179.359.813.655
411	1. Vốn cổ phần	17.1	275.606.980.000	137.803.490.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		275.606.980.000	137.803.490.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	17.1	(1.703.034.900)	-
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	17.1	8.378.540.122	8.378.540.122
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	17.1	7.304.270.801	7.276.861.099
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17.1	29.182.440.681	12.400.649.915
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		29.182.440.681	12.400.649.915
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	18	562.102.452.680	13.500.272.519
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.093.313.347.744	672.011.394.038



Nguyễn Thị Thu Trang
Người lập



Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	473.628.074.035	549.020.203.479
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	473.628.074.035	549.020.203.479
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(377.400.455.776)	(473.564.423.140)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		96.227.618.259	75.455.780.339
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	28.384.827.600	578.815.588
22	6. Chi phí tài chính	21	(16.508.320.933)	(453.411.782)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(24.544.687.782)	(685.308.245)
24	7. Phần lãi trong công ty liên doanh và liên kết	12.1	1.713.644.433	-
25	8. Chi phí bán hàng	22	(32.672.417.844)	(32.740.735.579)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(28.055.704.899)	(22.074.789.887)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		49.089.646.616	20.765.658.679
31	11. Thu nhập khác	24	13.518.261.595	205.455.076
32	12. Chi phí khác	24	(304.543.609)	(2.685.565.328)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	24	13.213.717.986	(2.480.110.252)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		62.303.364.602	18.285.548.427
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(9.185.191.874)	(4.850.490.282)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	25.2	2.285.655.532	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		55.403.828.260	13.435.058.145
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		37.957.582.375	13.434.657.675
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	18	17.446.245.885	400.470
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.3	1.534	378
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	17.3	1.534	378

Nguyễn Thị Thu Trang
Người lập

Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng

Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		62.303.364.602	18.285.548.427
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		7.355.667.613	3.057.701.665
03	Các khoản dự phòng		(3.861.070.345)	2.473.696.275
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		16.629.166	14.046.652
05	Lãi từ hoạt động đầu tư và nhận hỗ trợ di dời		(39.942.025.789)	(443.125.902)
06	Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu		25.440.243.336	685.308.245
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		51.312.808.583	24.073.175.362
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		9.513.171.205	(30.477.726.719)
10	Tăng hàng tồn kho		(44.007.907.606)	(18.452.346.993)
11	Tăng các khoản phải trả		70.835.253.559	10.805.710.214
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(2.056.137.454)	477.501.464
14	Tiền lãi vay đã trả		(21.874.922.099)	(685.308.245)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.252.982.755)	(5.115.918.461)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	25.1	(426.483.690)	(3.050.873.945)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		59.042.799.743	(22.425.787.323)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(19.240.166.367)	(6.934.162.032)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản và nhận hỗ trợ di dời		120.290.909.091	-
23	Tiền chi đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		(161.686.870.000)	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(634.587.024.920)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		39.940.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức		24.709.964.769	479.532.235
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(630.573.187.427)	(6.454.629.797)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	17.1	136.100.455.100	-
33	Tiền thu từ đi vay	16	588.797.926.804	89.990.863.670
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	16	(325.184.894.762)	(89.990.863.670)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông của công ty mẹ	17.4	(6.424.000)	(8.329.382.200)
	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát	18	(16.651.277.664)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		383.055.785.478	(8.329.382.200)
50	Giảm thuần tiền và tương đương tiền trong kỳ		(188.474.602.206)	(37.209.799.320)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		418.025.035.540	57.119.281.063
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(13.503.610)	11.394.240
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	229.536.929.724	19.920.875.983



(Signature)

Nguyễn Thị Thu Trang
Người lập

(Signature)

Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng



Dặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”), các công ty con và các công ty liên doanh, liên kết như sau:

Công ty

Công ty trước đây là Công ty Kho vận Miền Nam, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua bằng việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (“SII”)

Công ty sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của SII, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313558071 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 12 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SII là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa, bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa. SII có trụ sở đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức (“Vietranstimex”)

Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu của Vietranstimex, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0400101901 do SKHĐT Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 1 tháng 11 năm 2010 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Vietranstimex là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy, cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải. Vietranstimex có trụ sở đăng ký tại số 80-82, Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Công ty con (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Thương mại và Tiếp vận Quốc tế Bảo Tín (“Bảo Tín”)

Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu của Bảo Tín, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3001806817 do SKHĐT Tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 3 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Bảo Tín là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải. Bảo Tín có trụ sở đăng ký tại Tổ dân phố Độ Gỗ, Phường Kỳ Thịnh, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam (“Cảng Miền Nam”)

Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu của Cảng Miền Nam, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313440288 do SKHĐT Tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Cảng Miền Nam là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải. Cảng Miền Nam có trụ sở đăng ký tại số 9 Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam (“Sowatco”)

Công ty nắm giữ 58,5% quyền biểu quyết gián tiếp tại Sowatco, một công ty cổ phần kiểm soát bởi SII được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103013615 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 6 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Sowatco là vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng container; đại lý vận tải; cung cấp hoạt động kho bãi (kể cả kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn); cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đóng tàu và cấu kiện nổi; sửa chữa tàu thuyền; chuẩn bị mặt bằng sản xuất, bến bãi, nhà xưởng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cung ứng và quản lý nguồn lao động; và đại lý kinh doanh dầu và dầu nhờn. Sowatco có trụ sở đăng ký tại số 298 Đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình (“ECCO”)

Công ty nắm giữ 70% quyền biểu quyết gián tiếp tại ECCO, một công ty cổ phần kiểm soát bởi Sowatco được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103000067 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 5 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của ECCO là xây dựng các công trình dân dụng. ECCO có trụ sở đăng ký tại số 202 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện thủy Cần Thơ (“Can Tho Shipyard”)

Công ty nắm giữ 70% quyền biểu quyết gián tiếp tại Can Tho Shipyard, một công ty cổ phần kiểm soát bởi Sowatco được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5703000110 do SKHĐT Thành phố Cần Thơ cấp ngày 14 tháng 9 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Can Tho Shipyard là cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi. Can Tho Shipyard có trụ sở đăng ký tại 77B Trần Phú, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam (“SOWATMES”)

Công ty nắm giữ 51% quyền biểu quyết gián tiếp tại SOWATMES, một công ty cổ phần kiểm soát bởi Sowatco được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001933 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 11 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SOWATMES là xây dựng các công trình dân dụng. SOWATMES có trụ sở đăng ký tại số 59 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Công ty liên doanh và liên kết

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (“The Pier”)

Công ty sở hữu 50% vốn chủ sở hữu của The Pier, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313877800 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2016. Hoạt động chính của The Pier là kinh doanh bất động sản. The Pier có trụ sở đăng ký tại Phòng 1606, Lầu 16, Tòa nhà Sailing, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (“SORECO”)

Công ty sở hữu 50% vốn chủ sở hữu của SORECO, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312576215 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2013 và các GCNĐKKD sau đó. Hoạt động chính của SORECO là kinh doanh bất động sản. SORECO có trụ sở đăng ký tại tầng 16, tòa nhà Sailing, 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Lô-Gi-Stíc Gefco – Sotrans (“Gefco – Sotrans Logistics”)

Công ty sở hữu 24,5% vốn chủ sở hữu của Gefco – Sotrans Logistics, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000830 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 6 năm 2015. Hoạt động chính của Gefco – Sotrans Logistics là dịch vụ vận tải đường bộ. Gefco – Sotrans Logistics có trụ sở đăng ký tại số 55-57 Nguyễn Văn Giai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 (“VICT”)

Công ty nắm giữ 37% quyền biểu quyết gián tiếp tại VICT, một doanh nghiệp liên doanh mà Sowatco có ảnh hưởng đáng kể được thành lập theo Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt Nam và Luật Đầu tư hiện hành theo Giấy phép Đầu tư (“GPĐT”) số 996/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 22 tháng 9 năm 1994 và theo các GPĐT điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của VICT là xây dựng và kinh doanh khu cảng container tại Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa và vận chuyển container bằng đường bộ cho các khách hàng trực tiếp sử dụng dịch vụ cảng container. VICT có trụ sở đăng ký tại Đường A5, Khu phố 5, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 (“SOWATCO-ECO 747”)

Công ty nắm giữ 49% quyền biểu quyết gián tiếp tại SOWATCO-ECO 747, một công ty cổ phần mà Sowatco có ảnh hưởng đáng kể được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo CNĐKKD số 2900751997 do SKHĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 7 tháng 6 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SOWATCO-ECO 747 là xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. SOWATCO-ECO 747 có trụ sở đăng ký tại số 161/1 Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam (“SOWATCOSER”)

Công ty nắm giữ 26% quyền biểu quyết gián tiếp tại SOWATCOSER, một công ty cổ phần mà Sowatco có ảnh hưởng đáng kể được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0303215396 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 4 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SOWATCOSER là cung cấp các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. SOWATCOSER có trụ sở đăng ký tại số 38 Tôn Thất Thuyết, Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 1.264 (31 tháng 12 năm 2015: 346).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo với Công ty theo các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi cổ đông của Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho chủ yếu bao gồm hàng hóa với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được trích hao mòn theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 40 năm
Máy móc và thiết bị	6 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Trang web	5 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Nhóm Công ty không khấu hao lợi thế thương mại phát sinh từ khoản đầu tư vào công ty liên kết mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của các công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quý được ghi nhận vào các quý. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được trừ với khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào công ty liên doanh được đồng kiểm soát

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào liên doanh được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của liên doanh.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của liên doanh được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi liên doanh của các quý của liên doanh được ghi nhận vào các quý. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên doanh. Cổ tức nhận được/ lợi nhuận được chia từ liên doanh được trừ với khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư chứng khoán và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.14 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quỹ dự trữ bổ sung vốn lưu động

Quỹ này được trích lập nhằm bổ sung vốn điều lệ theo quy định của Điều lệ hoạt động của Nhóm Công ty. Quỹ này đang được ghi nhận trên tài khoản vốn khác của chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được trừ, giá trị được trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được tạo ra từ hoạt động cung cấp dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải, kinh doanh thương mại (xăng dầu, nhớt), cơ khí đóng tàu, xây dựng và xuất khẩu lao động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

3.19 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, không tính đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

Lợi thế thương mại được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng. Nếu giá phí hợp nhất thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được hợp nhất, phần chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Nhóm Công ty.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

4.1 Góp vốn thêm vào Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (“SII”)

Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Nhóm Công ty đã phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của SII, một công ty con sở hữu hoàn toàn bởi Công ty, từ 400 tỷ VND lên 600 tỷ VND. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, việc góp vốn thêm bằng tiền này đã được hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (tiếp theo)

4.2 Mua Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức (“Vietranstimex”)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã mua 10.695.900 cổ phiếu của Vietranstimex với giá phí hợp nhất kinh doanh là 171.786.393.650 VND, tương đương 51% tỷ lệ sở hữu trong Vietranstimex. Theo đó, Vietranstimex đã trở thành công ty con của Nhóm Công ty.

Giá trị hợp lý tạm thời của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Vietranstimex vào ngày hợp nhất kinh doanh được trình bày như sau:

	<i>Giá trị hợp lý tạm thời ghi nhận tại ngày hợp nhất</i>
	<i>VND</i>
Tài sản	
Tài sản, nhà xưởng và trang thiết bị	111.097.622.723
Tài sản cố định vô hình	17.740.947.687
Xây dựng cơ bản dở dang	199.027.259
Các khoản phải thu	97.154.959.276
Hàng tồn kho	20.543.477.704
Tiền và các khoản tương đương tiền	88.694.913.618
Các khoản đầu tư	816.000.000
Tài sản ngắn hạn khác	3.638.634.320
Tài sản dài hạn khác	6.809.394.762
	346.694.977.349
Nợ phải trả	
Các khoản phải trả	55.378.719.066
Vay	43.823.089.756
Các khoản phải trả khác	2.131.452.245
	101.333.261.067
Tổng tài sản thuần	245.361.716.282
Tổng tài sản thuần bị hợp nhất, 51%	125.134.475.304
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất	46.651.918.346
	171.786.393.650

Kể từ ngày hợp nhất, Vietranstimex vẫn chưa đóng góp bất kỳ khoản doanh thu hoặc lợi nhuận nào vào doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 vì việc hợp nhất này được thực hiện vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Các số liệu kế toán ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được dựa trên giá trị hợp lý của tài sản thuần được xác định tạm thời vì Nhóm Công ty đang xem xét việc định giá độc lập các giá trị hợp lý của tài sản thuần của Vietranstimex. Do đó, kết quả của việc định giá độc lập này chưa được hoàn thành vào ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Nhóm Công ty cũng đã hoàn tất việc mua thêm 5.033.340 cổ phiếu của Vietranstimex. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Vietranstimex tăng từ 51% lên 75%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (tiếp theo)

4.3 Mua Công ty Cổ phần Thương mại và Tiếp vận Quốc tế Bảo Tín (“Bảo Tín”)

Vào ngày 24 tháng 3 năm 2016, Nhóm Công ty đã mua 1.466.600 cổ phiếu của Bảo Tín với giá phí hợp nhất kinh doanh là 14.660.000.000 VND, tương đương 51% tỷ lệ sở hữu trong Bảo Tín. Theo đó, Bảo Tín đã trở thành công ty con của Nhóm Công ty.

Giá trị hợp lý tạm thời của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Bảo Tín vào ngày hợp nhất kinh doanh được trình bày như sau:

	<i>Giá trị hợp lý tạm thời ghi nhận tại ngày hợp nhất</i>
	<i>VND</i>
Tài sản	
Tài sản, nhà xưởng và trang thiết bị	20.636.766.360
Các khoản phải thu	18.773.262.828
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.974.630.837
Tài sản ngắn hạn khác	1.037.427.883
	47.422.087.908
Nợ phải trả	
Các khoản phải trả	7.643.297.537
Vay	4.583.333.000
	12.226.630.537
Tổng tài sản thuần	35.195.457.371
Tổng tài sản thuần bị hợp nhất, 51%	17.949.683.259
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	(3.289.683.259)
Tổng chi phí hợp nhất	14.660.000.000

Kể từ ngày hợp nhất, Bảo Tín đã đóng góp các khoản doanh thu và lợi nhuận vào doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 lần lượt là 27.906.373.518 VND và 3.479.430.279 VND.

Các số liệu kế toán ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được dựa trên giá trị hợp lý của tài sản thuần được xác định tạm thời vì Nhóm Công ty đang xem xét việc định giá độc lập các giá trị hợp lý của tài sản thuần của Bảo Tín. Do đó, kết quả của việc định giá độc lập này chưa được hoàn thành vào ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (tiếp theo)

4.4 Mua Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam (“Sowatco”)

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2016, công ty con của Nhóm Công ty, SII đã mua 34.221.000 cổ phiếu của Sowatco với giá phí hợp nhất kinh doanh là 598.502.956.219 VND, tương đương 51% tỷ lệ sở hữu trong Sowatco. Theo đó, Sowatco đã trở thành công ty con gián tiếp của Nhóm Công ty.

Giá trị hợp lý tạm thời của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Sowatco vào ngày hợp nhất kinh doanh được trình bày như sau:

	<i>Giá trị hợp lý tạm thời ghi nhận tại ngày hợp nhất</i>
	<i>VND</i>
Tài sản	
Tài sản, nhà xưởng và trang thiết bị	187.033.597.066
Tài sản cố định vô hình	5.202.345.000
Xây dựng cơ bản dở dang	88.851.900
Các khoản phải thu	86.474.864.757
Hàng tồn kho	32.509.557.689
Tiền và các khoản tương đương tiền	169.346.020.943
Các khoản đầu tư	648.106.070.605
Tài sản ngắn hạn khác	67.000.000
Tài sản dài hạn khác	5.512.946.750
	1.134.341.254.710
Nợ phải trả	
Các khoản phải trả	79.516.406.430
Vay	62.254.234.301
Các khoản phải trả khác	3.245.385.122
	145.016.025.853
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	3.791.288.384
Tổng tài sản thuần	985.533.940.473
Tổng tài sản thuần bị hợp nhất, 51%	502.622.309.641
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất	95.880.646.578
Tổng chi phí hợp nhất	598.502.956.219

Kể từ ngày hợp nhất, Sowatco đã đóng góp các khoản doanh thu và lợi nhuận vào doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 lần lượt là 52.843.245.284 VND và 28.843.462.932 VND.

Các số liệu kế toán ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được dựa trên giá trị hợp lý của tài sản thuần được xác định tạm thời vì Nhóm Công ty đang xem xét việc định giá độc lập các giá trị hợp lý của tài sản thuần của Sowatco. Do đó, kết quả của việc định giá độc lập này chưa được hoàn thành vào ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (tiếp theo)

4.5 Mua thêm cổ phần của Sowatco

Vào ngày 21 tháng 6 năm 2016, SII đã mua thêm 5.032.000 cổ phiếu của Sowatco, tương đương với 7,5% tỷ lệ sở hữu trong Sowatco, từ các cổ đông không kiểm soát của Sowatco, làm tăng tỷ lệ sở hữu từ 51% lên 58,5%, với tổng giá mua là 81.136.722.800 VND.

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng chi phí mua thể hiện giá trị hợp lý của tài sản thuần của Sowatco, và việc mua thêm quyền sở hữu trong Sowatco chủ yếu là để tăng quyền kiểm soát đối với các hoạt động kinh doanh của công ty con này. Số chênh lệch giữa giá mua so với phần sở hữu trong giá trị tài sản thuần của Sowatco vào ngày mua là 7.582.731.349 VND được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (Thuyết minh số 17.1).

4.6 Góp vốn thêm vào Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (“SORECO”)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, các chủ sở hữu của SORECO đã phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của SORECO từ 6 tỷ VND lên 20 tỷ VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty chỉ góp thêm 6.940.000.000 VND vào SORECO. Việc góp vốn thêm này làm giảm quyền sở hữu của Nhóm Công ty trong SORECO từ 51% xuống còn 50%. Theo đó, Nhóm Công ty không còn quyền kiểm soát đối với SORECO và ghi nhận khoản đầu tư vào SORECO như một khoản đầu tư vào công ty liên doanh được đồng kiểm soát.

4.7 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian 10 năm kể từ ngày mua. Giá trị phân bổ trong kỳ và giá trị phân bổ lũy kế vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ được trình bày như sau:

	Sowatco	Vietranstimex	VND Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	-	-	-
Tăng trong kỳ (Thuyết minh số 4.2 và 4.4)	95.880.646.578	46.651.918.346	142.532.564.924
Số cuối kỳ	95.880.646.578	46.651.918.346	142.532.564.924
Phân bổ lũy kế			
Số đầu kỳ	-	-	-
Phân bổ trong kỳ	2.397.016.164	-	2.397.016.164
Số cuối kỳ	2.397.016.164	-	2.397.016.164
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	93.483.630.414	46.651.918.346	140.135.548.760

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Tiền mặt	6.491.227.421	790.534.933
Tiền gửi ngân hàng	127.155.702.303	17.234.500.607
Các khoản tương đương tiền	<u>95.890.000.000</u>	<u>400.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>229.536.929.724</u>	<u>418.025.035.540</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất theo lãi suất tiền gửi có thể áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND					
Chứng khoán niêm yết	127.872.558	15.812.380	(112.060.178)	127.872.558	16.929.700	(110.942.858)
<i>Trong đó:</i>						
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà	126.752.447	15.280.180	(111.472.267)	126.752.447	16.440.700	(110.311.747)
Chứng khoán khác	1.120.111	532.200	(587.911)	1.120.111	489.000	(631.111)
Chứng khoán chưa niêm yết	2.462.400.000	1.470.525.000	(991.875.000)	2.462.400.000	1.453.650.000	(1.008.750.000)
<i>Trong đó:</i>						
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	1.537.500.000	545.625.000	(991.875.000)	1.537.500.000	528.750.000	(1.008.750.000)
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định – Phong Phú	417.000.000	417.000.000	-	417.000.000	417.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	368.900.000	368.900.000	-	368.900.000	368.900.000	-
Công ty Cổ phần Dệt Vải Phong Phú	139.000.000	139.000.000	-	139.000.000	139.000.000	-
TỔNG CỘNG	2.590.272.558	1.486.337.380	(1.103.935.178)	2.590.272.558	1.470.579.700	(1.119.692.858)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	61.686.870.000	-
Ủy thác đầu tư (ii)	100.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	161.686.870.000	-

(i) Nhóm Công ty đã sử dụng khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn với số tiền là 50.000.000.000 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng (*Thuyết minh số 16.4*).

(ii) Đây là khoản ủy thác đầu tư cho Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ NHTMCP Công Thương Việt Nam với kỳ hạn mười hai (12) tháng từ ngày 17 tháng 3 năm 2016 nhằm mục đích đầu tư vào các loại chứng khoán, giấy tờ có giá và các hoạt động đầu tư khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
		VND
Phải thu từ khách hàng	253.386.849.852	86.786.969.665
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	11.452.391.031	-
Phải thu các bên khác	241.934.458.821	86.786.969.665
Trả trước cho người bán	22.676.087.920	11.837.763.919
<i>Trong đó:</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Xây dựng Cẩm Anh	8.773.817.614	8.773.817.614
Công ty Cổ phần Nam Phong	4.200.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Thuận Phát Cường	3.050.000.000	-
Các khoản trả trước khác	6.652.270.306	3.063.946.305
Các khoản phải thu khác	66.362.813.901	19.418.044.172
<i>Trong đó:</i>		
Tạm ứng cho nhân viên	23.308.835.364	6.181.412.821
Phí vận chuyển trả hộ	20.220.460.727	10.805.975.900
Phải thu về tiền lương, BHXH của thuyền viên từ các đại lý	15.239.704.764	-
Phải thu cổ tức	3.539.823.836	-
Ký quỹ ngắn hạn	3.229.159.288	2.081.298.000
Phải thu khác	824.829.922	349.357.451
Tài sản thiếu chờ xử lý – Hàng tồn kho	272.932.976	301.358.567
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(43.508.987.864)	(7.086.472.884)
GIÁ TRỊ THUẦN	299.189.696.785	111.257.663.439

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Số đầu kỳ	7.086.472.884	2.388.572.852
Tăng do mua các công ty con	32.892.621.632	-
Dự phòng trích lập trong kỳ	3.581.997.665	3.060.650.915
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(52.104.317)	-
Số cuối kỳ	<u>43.508.987.864</u>	<u>5.449.223.767</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29.429.722.020	-
Hàng hóa	12.898.029.637	4.132.598.591
Nguyên vật liệu	12.358.149.658	-
Hàng đang đi đường	971.926.073	-
Công cụ, dụng cụ	36.885.049	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(783.427.850)	(282.257.003)
GIÁ TRỊ THUẦN	54.911.284.587	3.850.341.588

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Số đầu kỳ	282.257.003	-
Tăng do mua các công ty con	501.170.847	-
Số cuối kỳ	783.427.850	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn	6.564.731.723	591.122.954
<i>Trong đó</i>		
Công cụ, dụng cụ	2.756.634.934	96.825.406
Phí bảo trì	1.043.697.324	75.920.004
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.764.399.465	418.377.544
Dài hạn	16.052.529.359	2.904.596.959
<i>Trong đó</i>		
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	5.340.278.750	-
Phí bảo trì	3.571.083.656	2.823.316.285
Công cụ, dụng cụ	3.451.730.906	81.280.674
Thuê đất	2.671.700.081	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.017.735.966	-
TỔNG CỘNG	22.617.261.082	3.495.719.913

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	75.258.146.902	6.007.517.506	49.611.686.456	2.090.514.659	132.967.865.523
Tăng do mua các công ty con	245.672.044.143	48.912.043.121	556.660.945.598	2.269.386.051	853.514.418.913
Mua trong kỳ	-	916.000.000	17.518.818.185	-	18.434.818.185
Thanh lý	-	-	(609.161.024)	(41.692.654)	(650.853.678)
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>320.930.191.045</u>	<u>55.835.560.627</u>	<u>623.182.289.215</u>	<u>4.318.208.056</u>	<u>1.004.266.248.943</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>44.516.048.784</i>	<i>10.411.208.994</i>	<i>26.660.069.821</i>	<i>1.811.427.532</i>	<i>83.398.755.131</i>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	40.940.407.094	4.842.475.433	30.320.797.089	1.431.992.619	77.535.672.235
Tăng do mua các công ty con	86.150.193.791	38.722.758.820	407.730.649.029	2.142.831.124	534.746.432.764
Khấu hao trong kỳ	3.045.095.587	520.234.583	4.549.342.408	126.074.130	8.240.746.708
Thanh lý	-	-	(609.161.024)	(41.692.654)	(650.853.678)
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>130.135.696.472</u>	<u>44.085.468.836</u>	<u>441.991.627.502</u>	<u>3.659.205.219</u>	<u>619.871.998.029</u>
Giá trị còn lại:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>34.317.739.808</u>	<u>1.165.042.073</u>	<u>19.290.889.367</u>	<u>658.522.040</u>	<u>55.432.193.288</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>190.794.494.573</u>	<u>11.750.091.791</u>	<u>181.190.661.713</u>	<u>659.002.837</u>	<u>384.394.250.914</u>

Nhóm Công ty đã sử dụng nhà cửa và vật kiến trúc và phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 33.196.317.578 VND và 68.478.175.803 VND làm tài sản thế chấp cho khoản trái phiếu thường trong nước và các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ ngân hàng. Chi tiết của khoản trái phiếu và vay từ ngân hàng này được thể hiện trong *Thuyết minh số 16.2, 16.3 và 16.4.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Trang web</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.287.550.000	1.016.430.750	161.863.029	2.465.843.779
Tăng do mua các công ty con	22.702.657.231	1.583.468.336	-	24.286.125.567
Mua trong kỳ	-	455.280.000	-	455.280.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>23.990.207.231</u>	<u>3.055.179.086</u>	<u>161.863.029</u>	<u>27.207.249.346</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu trừ hết</i>	-	1.016.430.750	161.863.029	1.178.293.779
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	1.016.430.750	161.863.029	1.178.293.779
Tăng do mua các công ty con	-	1.342.832.880	-	1.342.832.880
Khấu trừ trong kỳ	-	7.588.000	-	7.588.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	<u>2.366.851.630</u>	<u>161.863.029</u>	<u>2.528.714.659</u>
Giá trị còn lại:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>1.287.550.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.287.550.000</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u><u>23.990.207.231</u></u>	<u><u>688.327.456</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>24.678.534.687</u></u>

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

12.1 Đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết

Công ty liên doanh và liên kết	Giá trị đầu tư			
	Tỷ lệ sở hữu	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Tỷ lệ sở hữu	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
	%	VND	%	VND
VICT	21,65	326.725.557.208	-	-
The Pier	50,00	10.000.000.000	-	-
SORECO	50,00	9.963.916.992	-	-
SOWATCOSER	15,37	3.146.696.719	-	-
Gefco – Sotrans Logistics	24,50	1.682.627.324	24,50	2.732.432.827
SOWATCO-ECO 747	28,67	-	-	-
TỔNG CỘNG		<u><u>351.518.798.243</u></u>		<u><u>2.732.432.827</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết (tiếp theo)

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

	VND						
	<i>Gefco – Sotrans Logistics</i>	<i>SORECO (i)</i>	<i>The Pier (ii)</i>	<i>SOWATCO -ECO 747</i>	<i>SOWATCOSER</i>	<i>VICT</i>	<i>Tổng cộng</i>
Giá trị đầu tư							
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	4.162.060.000	-	-	-	-	-	4.162.060.000
Tăng do mua các công ty con	-	-	-	3.561.349.400	3.039.240.000	155.730.813.876	162.331.403.276
Tăng giá trị đầu tư	-	6.940.000.000	10.000.000.000	-	-	-	16.940.000.000
Phân loại từ khoản đầu tư vào công ty con	-	3.060.000.000	-	-	-	-	3.060.000.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	4.162.060.000	10.000.000.000	10.000.000.000	3.561.349.400	3.039.240.000	155.730.813.876	186.493.463.276
Phần lũy kế lãi (lỗ) sau khi đầu tư							
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	(1.429.627.173)	-	-	-	-	-	(1.429.627.173)
Tăng do mua các công ty con	-	-	-	(3.561.349.400)	114.155.569	168.224.594.546	164.777.400.715
Lãi (lỗ) trong kỳ	(1.049.805.503)	-	-	-	(6.698.850)	2.770.148.786	1.713.644.433
Phân loại từ khoản đầu tư vào công ty con	-	(36.083.008)	-	-	-	-	(36.083.008)
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	(2.479.432.676)	(36.083.008)	-	(3.561.349.400)	107.456.719	170.994.743.332	165.025.334.967
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	2.732.432.827	-	-	-	-	-	2.732.432.827
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	1.682.627.324	9.963.916.992	10.000.000.000	-	3.146.696.719	326.725.557.208	351.518.798.243

(i) Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, các chủ sở hữu của SORECO đã phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của SORECO từ 6 tỷ VND lên 20 tỷ VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty chỉ góp thêm 6.940.000.000 VND vào SORECO. Việc góp vốn thêm này làm giảm quyền sở hữu của Nhóm Công ty trong SORECO từ 51% xuống còn 50%. Theo đó, Nhóm Công ty không còn quyền kiểm soát đối với SORECO và ghi nhận khoản đầu tư vào SORECO như một khoản đầu tư vào công ty liên doanh được đồng kiểm soát.

(ii) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Nhóm Công ty đã góp 10 tỷ VND vào The Pier, tương đương 50% tỷ lệ sở hữu trong công ty liên doanh này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Công ty TNHH Keppel Land Watco (i)	320.184.141.975	-
Công ty Cổ phần MHC (ii)	90.509.365.472	66.442.376.700
Công ty TNHH Liên doanh BNX – Vietransimex	816.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước	440.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động và Dịch vụ Vận tải thủy Miền Nam	373.124.639	-
TỔNG CỘNG	412.322.632.086	66.442.376.700

(i) Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Keppel Land Watco (“Keppel Land Watco”) là một doanh nghiệp liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Luật Đầu tư Nước ngoài theo Giấy phép đầu tư (“GPĐT”) số 626/GP do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cấp ngày 19 tháng 6 năm 1993 và theo các GPĐT điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Keppel Land Watco là sở hữu và phát triển khu văn phòng và căn hộ cho thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh để tạo thu nhập từ hoạt động cho thuê và các dịch vụ khác. Keppel Land Watco có trụ sở chính đăng ký tại Lầu 4, Tòa nhà Saigon Centre, số 65 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 21 tháng 4 năm 2016, các cổ đông của Sowatco đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) của Sowatco về việc thoái vốn tại Keppel Land Watco.

Theo Quyết định của HĐQT ngày 28 tháng 6 năm 2016, HĐQT của Sowatco đã thông qua việc chuyển nhượng khoản đầu tư vào Keppel Land Watco với tổng giá trị chuyển nhượng dự kiến là 845.880.000.000 VND và ủy quyền cho Tổng Giám đốc của Sowatco ký kết các hợp đồng và các văn bản có liên quan đến việc chuyển nhượng này.

(ii) Ngày 30 tháng 6 năm 2016, Nhóm Công ty sở hữu 5.425.249 cổ phiếu, tương đương 19,06% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần MHC (“MHC”). Tất cả cổ phiếu của MHC được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các trái phiếu thường trong nước của Nhóm Công ty. Chi tiết của trái phiếu này được thể hiện trong *Thuyết minh số 16.3*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả người bán ngắn hạn	102.110.072.647	56.909.011.939
<i>Trong đó:</i>		
Công ty TNHH Joongang Crane Vina	11.817.000.000	-
Phải trả người bán khác	90.293.072.647	56.909.011.939
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	26.889.212.940	493.280.129
<i>Trong đó:</i>		
Ban Quản lý Dự án Quận 11	16.998.250.100	-
Người mua khác trả tiền trước	9.890.962.840	493.280.129
TỔNG CỘNG	<u>128.999.285.587</u>	<u>57.402.292.068</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Tăng	Giảm	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Thuế giá trị gia tăng	2.313.724.475	38.961.905.375	(32.671.267.988)	8.604.361.862
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
(Thuyết minh số 25.1)	1.354.502.630	13.292.621.779	(4.252.982.755)	10.394.141.654
Thuế thu nhập cá nhân	381.189.072	2.687.018.273	(2.416.170.161)	652.037.184
Thuế khác	-	2.205.410.946	(1.351.846.324)	853.564.622
TỔNG CỘNG	<u>4.049.416.177</u>	<u>57.146.956.373</u>	<u>(40.692.267.228)</u>	<u>20.504.105.322</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn	225.006.570.063	5.254.871.690
<i>Trong đó:</i>		
Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời (i)	100.000.000.000	-
Nhận tạm ứng thanh lý các khoản đầu tư (ii)	39.940.000.000	-
Phải trả cho thuyền viên	26.358.006.276	-
Cổ tức phải trả	19.822.548.676	183.567.363
Nhận ký quỹ, ký cược	10.063.390.534	2.460.861.365
Các khoản phải trả, phải nộp khác	28.822.624.577	2.610.442.962
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	100.816.000.000	-
Phải trả các bên khác	124.190.570.063	5.254.871.690
Dài hạn	7.142.429.000	254.800.000
<i>Trong đó:</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược	6.039.600.000	254.800.000
Phải trả khác	1.102.829.000	-
TỔNG CỘNG	232.148.999.063	5.509.671.690

(i) Đây là các khoản nhận tạm ứng hỗ trợ từ The Pier và SORECO theo các Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giải phóng và bàn giao các khu đất lần lượt tại số 1B, Đường Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4 và tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Đây là các khoản nhận tạm ứng từ Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C theo các Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư số 01/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS và số 02/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS về việc chuyển nhượng cổ phần của The Pier và SORECO.

16. VAY

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Vay ngắn hạn	135.027.666.277	17.973.980.578
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 16.1)	81.735.664.402	-
Vay từ cá nhân (Thuyết minh số 16.2)	50.092.075.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16.4)	3.199.926.875	-
Vay từ đơn vị khác	-	17.973.980.578
Vay dài hạn	654.115.558.954	396.000.000.000
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 16.3)	594.895.555.554	396.000.000.000
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 16.4)	59.220.003.400	-
TỔNG CỘNG	789.143.225.231	413.973.980.578

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	Vay ngắn hạn	VND Vay dài hạn
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	17.973.980.578	396.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	390.797.926.804	198.000.000.000
Mua các công ty con	50.508.578.376	60.152.078.681
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	932.075.281	(932.075.281)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	895.555.554
Tiền chi trả nợ gốc vay	(325.184.894.762)	-
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>135.027.666.277</u>	<u>654.115.558.954</u>

16.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Nhóm Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	VND		%/năm	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	28.000.000.000	Ngày 31 tháng 10 năm 2016	4,8	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Đà Nẵng	21.536.245.292	Ngày 31 tháng 10 năm 2016	5,2	Phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 34.533.180.556 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	20.480.744.464	Ngày 31 tháng 10 năm 2016	5,2	Phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 5.782.907.044 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Bắc Sài Gòn	9.576.133.018	Từ ngày 18 tháng 11 năm 2016 đến ngày 29 tháng 12 năm 2016	6,5	Tín chấp
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Nam Sài Gòn	2.142.541.628	Từ ngày 29 tháng 7 năm 2016 đến ngày 18 tháng 10 năm 2016	7,5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>81.735.664.402</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

16.2 Vay ngắn hạn từ cá nhân

Nhóm Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân nhằm mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Cá nhân	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Trần Thanh Hương	49.992.075.000	Ngày 21 tháng 12 năm 2016	8	Tín chấp
Nguyễn Thị Diễm	100.000.000	Ngày 10 tháng 11 năm 2016	18	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>50.092.075.000</u>			

16.3 Trái phiếu thường trong nước

Chi tiết trái phiếu vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Giá trị VND	Kỳ hạn
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (i)	Ngày 23 tháng 12 năm 2015	400.000.000.000	6 năm
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát (ii)	Ngày 19 tháng 4 năm 2016	130.000.000.000	3 năm
Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iii)	Ngày 22 tháng 6 năm 2016	70.000.000.000	3 năm
Chi phí phát hành trái phiếu		<u>(5.104.444.446)</u>	
TỔNG CỘNG		<u>594.895.555.554</u>	

(i) Vào ngày 23 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 400 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (“Vietinbank”) đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau sáu (6) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 5,87%/năm cho kỳ ba tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ ba tháng tiếp theo sẽ bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Vietinbank cộng với biên độ 3,5%/năm. Nhóm Công ty được quyền mua lại trái phiếu trước hạn sau hai (2) năm kể từ ngày phát hành hoặc duy trì các khoản tiền gửi (bao gồm cả tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn) tại ngân hàng Vietinbank và các khoản tiền gửi này sẽ được phong tỏa sao cho tổng số dư các khoản tiền gửi này là:

- tối thiểu tương đương 100 tỷ VND từ thời điểm hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành; và
- tối thiểu tương đương 200 tỷ VND từ thời điểm ba mươi sáu (36) tháng đến bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

16.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung và tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là các tài sản thuộc sở hữu của Nhóm Công ty bao gồm các quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất là văn phòng, nhà xưởng và nhà kho tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất, nhà kho và cầu cảng tại Km số 9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức; quyền sử dụng đất và nhà số 36/1 Sương Nguyệt Ánh, Phường 9, Thành phố Đà Lạt; Kho Sotrans Long Bình – Đồng Nai; và các tài sản hình thành trong tương lai gồm tài sản thuộc Dự án Kho Sotrans Phú Mỹ, 5.425.249 cổ phiếu của MHC và 36.905.000 cổ phiếu của Sowatco.

- (ii) Vào ngày 19 tháng 4 năm 2016, Nhóm Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 130 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau ba (3) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 10%/năm cho kỳ sáu tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ sáu tháng tiếp theo sẽ bằng lãi suất trung bình tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (“Agribank”), Vietinbank, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (“BIDV”), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) cộng với biên độ 3,5%/năm.

Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu đã được sử dụng cho mục đích bổ sung và tái cơ cấu vốn của Nhóm Công ty cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các trái phiếu được đảm bảo bằng 7.316.180 cổ phiếu của Vietranstimex, trong đó 1.845.000 cổ phiếu thuộc sở hữu của Công ty, 1.318.740 cổ phiếu thuộc sở hữu của Ông Nguyễn La Thảo và 4.152.440 cổ phiếu thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần SCI; và 3.279.317 cổ phiếu của Sowatco thuộc sở hữu của MHC.

- (iii) Vào ngày 22 tháng 6 năm 2016, Nhóm Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 70 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (“Vietinbank”) đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau ba (3) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 10%/năm cho kỳ sáu tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ sáu tháng tiếp theo sẽ bằng lãi suất trung bình tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (“Agribank”), Vietinbank, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (“BIDV”), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) cộng với biên độ 3,5%/năm.

Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu đã được sử dụng cho mục đích bổ sung và tái cơ cấu vốn của Nhóm Công ty cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các trái phiếu được đảm bảo bằng 4.500.000 cổ phiếu của Vietranstimex, thuộc sở hữu của Nhóm Công ty, và 5.000.000 cổ phiếu của Sowatco thuộc sở hữu của SII.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

16.4 Vay dài hạn từ ngân hàng

Nhóm Công ty có các khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động và các khoản vay dài hạn theo các hiệp định tài trợ khung (Hiệp định vay số 2613-VIE và số 2614-VIE) giữa Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á ("ADB") nhằm mục đích hỗ trợ tài chính cho Chương trình Cải cách Doanh nghiệp Nhà nước và Hỗ trợ quản trị công ty. Chi tiết các khoản vay được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Hội sở II - USD				
<i>(i) Hiệp định vay các Nghiệp vụ Thông thường ("Khoản vay OCR")</i>	49.884.610.791	Ngày 15 tháng 11 năm 2034	0,68	Phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 16.600.133.658 VND
<i>(ii) Hiệp định vay các Nghiệp vụ Đặc biệt ("Khoản vay ADF")</i>	6.562.553.484	Ngày 15 tháng 11 năm 2041	1,00	và khoản tiền gửi có kỳ hạn 50.000.000.000 VND
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Đà Nẵng – VND	4.166.666.000	Ngày 14 tháng 12 năm 2018	8,00	Phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 11.561.954.545 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng - VND	1.806.100.000	Ngày 5 tháng 6 năm 2019	9,00	Tài sản hình thành trong tương lai (20 dầm cầu và 4 máy thủy lực) với giá trị tạm tính là 2.585.566.753 VND

TỔNG CỘNG

62.419.930.275

Trong đó:

Vay dài hạn

59.220.003.400

Vay dài hạn đến hạn trả

3.199.926.875

Theo Hiệp định vay phụ ngày 8 tháng 10 năm 2010 giữa Bộ Tài chính Việt Nam ("BTC") và Nhóm Công ty, BTC sẽ cho Nhóm Công ty vay lại các khoản vay mà BTC vay được từ ADB theo những điều khoản được ADB chấp thuận, chi tiết như sau:

(i) Khoản vay OCR theo Hợp đồng vay số 2613-VIE được sử dụng để tài trợ cho các dự án tái cơ cấu tài chính và doanh nghiệp của Nhóm Công ty. Khoản vay được hoàn trả sau 25 năm với lãi suất LIBOR cộng với chênh lệch tại từng thời điểm do ADB thông báo. Tiền lãi và gốc được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 5 và ngày 15 tháng 11 bắt đầu từ ngày 15 tháng 5 năm 2015 cho đến ngày 15 tháng 11 năm 2034.

(ii) Khoản vay ADF theo Hợp đồng vay số 2614-VIE được sử dụng để tài trợ cho các dự án củng cố và tái cấu trúc hoạt động của Nhóm Công ty. Khoản vay được hoàn trả sau 32 năm với lãi suất 1%/năm (trong thời gian ân hạn) và 1,5%/năm trong các năm sau đó. Tiền gốc và lãi được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 5 và ngày 15 tháng 11 bắt đầu từ ngày 15 tháng 5 năm 2018 cho đến ngày 15 tháng 5 năm 2041.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<i>VND</i>						
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015						
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	83.518.570.000	8.097.890.172	28.139.561.099	-	33.424.359.950	153.180.381.221
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	13.434.657.675	13.434.657.675
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(20.879.642.500)	(20.879.642.500)
Trích lập các quỹ	-	280.649.950	-	-	(3.287.149.450)	(3.006.499.500)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(306.700.619)	(306.700.619)
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>83.518.570.000</u>	<u>8.378.540.122</u>	<u>28.139.561.099</u>	<u>-</u>	<u>22.385.525.056</u>	<u>142.422.196.277</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016						
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	137.803.490.000	-	7.276.861.099	8.378.540.122	12.400.649.915	165.859.541.136
Phát hành cổ phiếu (i)	137.803.490.000	(1.703.034.900)	-	-	-	136.100.455.100
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	37.957.582.375	37.957.582.375
Cổ tức đã công bố (ii)	-	-	-	-	(11.024.279.200)	(11.024.279.200)
Trích lập các quỹ	-	-	27.409.702	-	(2.564.996.355)	(2.537.586.653)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(3.784.705)	(3.784.705)
Giao dịch mua bán cổ phần với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(7.582.731.349)	(7.582.731.349)
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>275.606.980.000</u>	<u>(1.703.034.900)</u>	<u>7.304.270.801</u>	<u>8.378.540.122</u>	<u>29.182.440.681</u>	<u>318.769.196.704</u>

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 20 tháng 8 năm 2015, cổ đông của Nhóm Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) về việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty với giá phát hành bằng mệnh giá (10.000 VND/cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 (mỗi cổ đông nắm giữ 1 cổ phiếu sẽ nhận được 1 cổ phiếu phát hành thêm), tương đương với 13.780.563 cổ phiếu được phát hành thêm, để đầu tư xây dựng kho Phú Mỹ và bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty.

Sau đó, theo Nghị Quyết của HĐQT ngày 24 tháng 2 năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 13.780.349 cổ phiếu theo kế hoạch trên, tương đương với 137.803.490.000 VND. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty được tăng từ 137.803.490.000 VND lên 275.606.980.000 VND theo GCNĐKKD sửa đổi lần thứ 10 vào ngày 17 tháng 5 năm 2016.

(ii) Công ty đã công bố cổ tức năm 2015 tại mức 4% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 20 tháng 4 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Cổ phiếu

	<i>Số cổ phiếu</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	27.560.698	8.351.857
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	27.560.698	8.351.857
Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2015: 10.000 VND).		

17.3 Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (VND) <i>Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	37.957.582.375 (2.537.586.653)	13.434.657.675 (3.006.499.500)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	35.419.995.722	10.428.158.175
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ	23.093.442	27.560.698
Lãi trên mỗi cổ phiếu (VND)		
- <i>Lãi cơ bản</i>	1.534	378
- <i>Lãi suy giảm</i>	1.534	378

Nhóm Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

17.4 Cổ tức

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Cổ tức đã công bố trong kỳ	11.024.279.200	20.879.642.500
Cổ tức đã trả trong kỳ	6.424.000	8.329.382.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Số đầu kỳ	13.500.272.519	2.923.859.983
Tăng do mua các công ty con	624.175.934.306	-
Lợi nhuận trong kỳ	17.446.245.885	400.470
Giảm do phân loại sang khoản đầu tư vào công ty liên doanh đồng kiểm soát	(2.904.638.653)	-
Cổ tức đã trả	(16.651.277.664)	-
Mua lại cổ phần của cổ đông không kiểm soát tại công ty con	(73.553.991.451)	-
Các khoản khác	89.907.738	-
Số cuối kỳ	<u>562.102.452.680</u>	<u>2.924.260.453</u>

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	410.781.908.005	430.781.153.624
Doanh thu bán hàng hóa	55.653.761.607	118.239.049.855
Doanh thu bán thành phẩm	4.645.678.968	-
Doanh thu xây dựng	2.546.725.455	-
TỔNG CỘNG	<u>473.628.074.035</u>	<u>549.020.203.479</u>

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.197.390.318	89.985.000
Lãi tiền gửi	5.052.398.287	353.140.902
Khác	135.038.995	135.689.686
TỔNG CỘNG	<u>28.384.827.600</u>	<u>578.815.588</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	319.123.583.039	362.119.739.190
Giá vốn của hàng hóa đã bán	52.064.924.124	111.444.683.950
Giá vốn của thành phẩm	3.665.223.158	-
Giá vốn của xây dựng	2.546.725.455	-
TỔNG CỘNG	<u>377.400.455.776</u>	<u>473.564.423.140</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lãi tiền vay	24.544.687.782	685.308.245
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	895.555.554	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	200.766.221	355.058.178
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	(9.132.688.624)	(586.954.641)
TỔNG CỘNG	<u>16.508.320.933</u>	<u>453.411.782</u>

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí bán hàng	32.672.417.844	32.740.735.579
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí lương	17.534.415.120	20.048.994.949
Chi phí bán hàng khác	15.138.002.724	12.691.740.630
Chi phí quản lý doanh nghiệp	28.055.704.899	22.074.789.887
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí lương	13.373.680.495	9.174.305.795
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	2.336.452.335	3.060.650.915
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.345.572.069	9.839.833.177

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	307.401.633.653	371.487.595.046
Giá vốn hàng hóa đã bán	52.064.924.124	111.444.683.950
Chi phí nhân công	43.641.860.498	28.007.809.982
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 4.7, 10 và 11)	10.645.350.872	3.057.701.665
Chi phí khác	24.374.809.372	14.382.157.963
TỔNG CỘNG	<u>438.128.578.519</u>	<u>528.379.948.606</u>

24. CHI PHÍ KHÁC VÀ THU NHẬP KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Thu nhập khác	13.518.261.595	205.455.076
Thu nhập từ nhận hỗ trợ di dời	9.686.962.000	-
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	3.289.683.259	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	290.909.091	-
Thu nhập khác	250.707.245	205.455.076
Chi phí khác	304.543.609	2.685.565.328
Chi phí nộp phạt	-	2.685.561.964
Chi phí khác	304.543.609	3.364
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC	<u>13.213.717.986</u>	<u>(2.480.110.252)</u>

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trong kỳ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế (2015: 22%), ngoại trừ thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới tại địa bàn Khu kinh tế Vũng Áng của Bảo Tín, một công ty con của Công ty, được ưu đãi về thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm năm (15) tính liên tục từ năm đầu tiên Bảo Tín có doanh thu từ dự án và được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm tính từ năm 2015 và giảm 50% thuế TNDN trong chín (9) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và thu nhập tính thuế:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	62.303.364.602	18.285.548.427
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lợi nhuận chưa thực hiện	9.686.962.000	-
Phân bổ lợi thế thương mại	2.397.016.164	-
Thu nhập không chịu thuế	(23.286.661.978)	(89.985.000)
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	(3.289.683.259)	-
Lãi từ công ty liên kết	(1.713.644.433)	-
Các khoản khác	1.439.667.156	2.953.712.354
Thu nhập chịu thuế ước tính	47.537.020.252	21.149.275.781
Thuế TNDN phải nộp ước tính	9.507.404.051	4.652.840.672
Thuế TNDN được miễn	(695.886.056)	-
Chi phí thuế TNDN ước tính phải nộp	8.811.517.995	4.652.840.672
Thuế TNDN trích thiếu kỳ trước	373.673.879	197.649.610
Chi phí thuế TNDN trong kỳ	9.185.191.874	4.850.490.282
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	1.354.502.630	3.118.268.851
Tặng do mua các công ty con	4.107.429.905	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(4.252.982.755)	(5.115.918.461)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	10.394.141.654	2.852.840.672

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả cho khoản chênh lệch tạm thời như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.937.392.400	-	1.937.392.400	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	785.479.332	437.216.200	348.263.132	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(712.269.880)	-	-	-
TỔNG CỘNG	2.010.601.852	437.216.200	2.285.655.532	-
<i>Trong đó</i>				
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>	2.369.371.150	437.216.200		
<i>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</i>	(358.769.298)	-		

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Nhóm Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ mua bán với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng.

Giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với công ty có liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty liên doanh	Ứng trước tiền hỗ trợ di dời	60.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	Công ty liên doanh	Ứng trước tiền hỗ trợ di dời	40.000.000.000	-
		Thu nhập từ nhận hỗ trợ di dời	20.000.000.000	-
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ Nhận cổ tức	17.397.466.158 9.337.214.180	- -
Công ty Liên doanh Keppel Land Watco	Bên liên quan	Nhận cổ tức	9.664.952.138	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Khoản phải thu và phải trả các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	6.463.918.325	-
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	4.506.604.667	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	481.868.039	-
			11.452.391.031	-
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty liên doanh	Ứng trước tiền hỗ trợ di dời	60.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	Công ty liên doanh	Ứng trước tiền hỗ trợ di dời	40.000.000.000	-
Công ty TNHH Liên doanh BNX - Vietranstimex	Bên liên quan	Phải trả khác	816.000.000	-
			100.816.000.000	-

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lương, thù lao và thưởng	2.721.387.419	2.388.203.242

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Đến 1 năm	18.458.489.079	11.616.464.307
Từ 1 đến 5 năm	32.432.033.904	23.921.132.080
Trên 5 năm	-	483.623.920
TỔNG CỘNG	<u>50.890.522.983</u>	<u>36.021.220.307</u>

28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	1.199.387	18.449
- Đồng Euro (EUR)	9.094	1.658
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	624.958.040	624.958.040

29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là cung cấp dịch vụ cảng, kho vận, giao nhận vận tải, kinh doanh thương mại (xăng dầu, nhớt), cơ khí đóng tàu, xây dựng và xuất khẩu lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	VND					
	<i>Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải</i>	<i>Kinh doanh thương mại</i>	<i>Cơ khí đóng tàu</i>	<i>Xây dựng</i>	<i>Xuất khẩu lao động</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016						
Doanh thu bộ phận						
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng ra bên ngoài	403.431.885.865	56.912.817.788	5.130.038.390	5.329.808.400	2.823.523.592	473.628.074.035
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận	-	278.317.753	-	-	-	278.317.753
	403.431.885.865	57.191.135.541	5.130.038.390	5.329.808.400	2.823.523.592	473.906.391.788
<i>Đổi chiếu:</i>						
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận						(278.317.753)
Doanh thu trong kỳ						<u>473.628.074.035</u>
Lợi nhuận bộ phận						
Lợi nhuận kế toán trước thuế	60.198.439.878	1.389.089.215	(67.252.614)	534.811.436	248.276.687	<u>62.303.364.602</u>
Các thông tin bộ phận khác						
Khấu hao và hao mòn	10.107.798.137	109.864.048	358.776.999	63.262.611	5.649.077	10.645.350.872
Dự phòng phải thu khó đòi	2.336.452.335	-	-	-	-	2.336.452.335
Hoàn nhập dự phòng đầu tư	(9.132.688.624)	-	-	-	-	(9.132.688.624)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

						VND
	<i>Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải</i>	<i>Kinh doanh thương mại</i>	<i>Cơ khí đóng tàu</i>	<i>Xây dựng</i>	<i>Xuất khẩu lao động</i>	<i>Tổng cộng</i>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016						
Tài sản bộ phận	1.263.426.324.826	16.695.198.669	20.600.449.945	22.978.364.860	14.958.361.013	1.338.658.699.313
<i>Đối chiếu:</i>						
Phải thu bộ phận						7.583.065.500
Tài sản không phân bổ						<u>762.237.713.931</u>
Tổng tài sản						<u>2.093.313.347.744</u>
Nợ phải trả bộ phận	972.718.083.300	701.439.332	3.211.058.646	20.739.256.829	47.307.054.157	1.044.676.892.264
<i>Đối chiếu:</i>						
Phải trả bộ phận						7.583.065.500
Nợ phải trả không phân bổ						<u>175.347.871.596</u>
Tổng nợ phải trả						<u>1.212.441.698.360</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	VND		
	<i>Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải</i>	<i>Kinh doanh thương mại</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015			
Doanh thu bộ phận			
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng ra bên ngoài	430.781.153.624	118.239.049.855	549.020.203.479
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận	-	620.023.292	620.023.292
	430.781.153.624	118.859.073.147	549.640.226.771
<i>Đối chiếu:</i>			
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận			(620.023.292)
Doanh thu trong kỳ			549.020.203.479
Lợi nhuận bộ phận			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	16.209.820.395	2.075.728.032	18.285.548.427
Các thông tin bộ phận khác			
Khấu hao và hao mòn	3.005.738.143	51.963.522	3.057.701.665
Dự phòng phải thu khó đòi	380.504.791	2.680.146.124	3.060.650.915
Hoàn nhập dự phòng đầu tư	(586.954.640)	-	(586.954.640)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Tài sản bộ phận	193.960.639.598	27.064.600.197	221.025.239.795
<i>Đối chiếu:</i>			
Phải thu bộ phận			(21.088.862.157)
Tài sản không phân bổ			472.075.016.400
Tổng tài sản			672.011.394.038
Nợ phải trả bộ phận	93.790.723.922	5.975.738.040	99.766.461.962
<i>Đối chiếu:</i>			
Phải trả bộ phận			(21.088.862.157)
Nợ phải trả không phân bổ			413.973.980.578
Tổng nợ phải trả			492.651.580.383

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 20 tháng 4 năm 2016, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") về việc phát hành 1.102.427 cổ phiếu để trả cổ tức tại mức 4% trên mệnh giá cổ phiếu; phát hành 1.653.641 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty từ vốn khác của chủ sở hữu; và phát hành 55.121.396 cổ phiếu với giá phát hành bằng mệnh giá (10.000 VND/cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:2 (mỗi cổ đông nắm giữ 1 cổ phiếu sẽ nhận được 2 cổ phiếu phát hành thêm) cho mục đích mua bán, sáp nhập doanh nghiệp và trả nợ trái phiếu đã phát hành.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Phát hành cổ phiếu, và đã thông báo phát hành cổ phiếu ra công chúng.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Thị Thu Trang
Người lập



Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng



Ngày 19 tháng 8 năm 2016